

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18/6/2021

“Về việc tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững.

Ông Hồ Văn Tính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 182/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 246/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Nhạn, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Ông H có mặt tại phiên tòa, bà N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà N được sự đồng ý của gia đình hai bên đã tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 1983. Sau khi cưới, vợ chồng

chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, nên không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân 08 năm nay. Do hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Văn T1 – sinh năm 1984, Nguyễn Văn T2 – sinh năm 1985 và Nguyễn Thị H – sinh năm 1989. Hiện các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 1.425 m² đất ruộng thuộc thửa 727 tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại xã P huyện Tháp Mười. Tuy nhiên, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà Huỳnh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tại Biên bản hòa giải ngày 14/5/2021, bà N thống nhất với lời trình bày của ông H về quan hệ hôn nhân nhưng bà chỉ đồng ý ly hôn khi được giải quyết chia tài sản chung cho vợ chồng trong cùng vụ án này. Tuy nhiên, tại Văn bản ý kiến đề ngày 17/6/2021 bà N trình bày đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Văn T1 – sinh năm 1984, Nguyễn Văn T2 – sinh năm 1985 và Nguyễn Thị H – sinh năm 1989. Hiện các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tại Văn bản ý kiến đề ngày 17/6/2021 bà N trình bày vợ chồng đã tự thỏa thuận xong.

Về nợ chung: Không có.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp gồm:*

+ Giấy khai sinh 03 con chung (bản sao);

+ Hợp đồng tặng cho đất đề ngày 21/6/2021 của ông Nguyễn Văn H tặng cho bà Huỳnh Thị N, anh Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Thị H (bản photo);

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do bị đơn cung cấp gồm:*

+ Văn bản ý kiến đề ngày 17/6/2021 của bà Huỳnh Thị N (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã P huyện Tháp Mười nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt và có Văn bản ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà N.

[4] Về nội dung:

[4.1] Quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị N được sự đồng ý của gia đình hai bên đã tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 1983 và chung sống nhằm hướng đến một gia đình hạnh phúc lâu dài nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000) về việc đăng ký kết hôn:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tuy nhiên, tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

"a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp

có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”.

Hội đồng xét xử xét thấy, đến trước thời điểm ngày 03/01/1987, thì ông H bà N có đủ điều kiện để kết hôn theo quy định của pháp luật, và đã có tổ chức lễ cưới dưới sự chấp nhận của gia đình hai bên; đã chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian dài, có 03 con chung, đã thực sự xây dựng gia đình – là đáp ứng đủ các điều kiện về hôn nhân thực tế được quy định tại điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội. Do đó, tuy ông H bà N không có đăng ký kết hôn nhưng vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới ông bà chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến thường hay có lời qua tiếng lại. Ông H bà N đã sống ly thân 08 năm nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị N.

Tại phiên hòa giải ngày 14/5/2021 bà N xác định thống nhất với lời trình bày của ông H về quan hệ hôn nhân nhưng chỉ đồng ý ly hôn khi được giải quyết về vấn đề tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, tại Văn bản ý kiến đề ngày 17/6/2021, bà trình bày đồng ý ly hôn với ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông bà không đạt được nên căn cứ vào quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 chấp nhận ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Huỳnh Thị N.

[4.2] Quan hệ nuôi con chung:

Ông H và bà N đều xác định vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Văn T1 – sinh năm 1984, Nguyễn Văn T2 – sinh năm 1985 và Nguyễn Thị H – sinh năm 1989. Hiện các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, các con chung của ông H bà N đều đã trưởng thành và ông, bà cũng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4.3] Quan hệ chia tài sản chung: Ông H và bà N đều thống nhất xác định ông bà đã tự thỏa thuận xong về tài sản chung, đồng thời cũng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Huỳnh Thị N.

Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Văn T1 – sinh năm 1984, Nguyễn Văn T2 – sinh năm 1985 và Nguyễn Thị H – sinh năm 1989. Các con chung đều đã trưởng thành, ông H bà N cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về quan hệ chia tài sản: Ông H và bà N đều thống nhất xác định ông, bà đã tự thỏa thuận chia tài sản chung xong, đồng thời cũng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011645 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã Phú Điền, huyện Tháp Mười;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ (ML).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Tuấn